TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2025

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đông Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đời và ông Nguyễn Kim Thành

Thư ký phiên tòa: Ông Lã Phú Huy - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 233/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con C*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2025/HNGĐ-ST ngày 03/3/2025; giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Kim M**, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 51 Hồ Học L, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh C**, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 33 T, tổ 29, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Thanh C đi đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng C sống tại số 33 Thôi Hữu, tổ 29, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng C sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C có quan hệ bất chính với người khác nên tôi có làm đơn xin ly hôn ông C. Qua phân tích, hòa giải tại Tòa án, tôi đã suy nghĩ về quan hệ hôn nhân của mình nên cho ông C cơ hội để thay đổi bản thân và tôi trở về đoàn tụ. Đến năm 2016, ông C sử dụng chất cấm, không lo làm ăn và chăm sóc gia đình mà ngược lại đe dọa vợ con, đòi hỏi phải đưa tiền để ông C tiêu xài cho bản thân. Do khuyên can không được nên một lần nữa tôi lại gửi đơn xin ly hôn ông C nhưng vì nghĩ đến các con tôi lại rút đơn và chúng tôi đã sống ly thân nhau từ năm 2024 đến nay. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Nay tôi xác định tình cảm của tôi đối với ông C không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng là ông Nguyễn Thanh C.

Về con chung: Tôi xác định giữa tôi và ông C có 02 con C là Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 18/11/2012 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 18/7/2014. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi cả hai con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định giữa tôi và ông C không có.

** Bị đơn ông Nguyễn Thanh C đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông C trong hồ sơ vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.*

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn - bà M: Thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn – ông C đã không tham gia đầy đủ các phiên hòa giải là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72

Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

+ Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà M và ông C đã thật sự trầm trọng nên cần áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình cho bà Phạm Thị Kim M được ly hôn ông Nguyễn Thanh C.

+ Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 18/11/2012 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 18/7/2014 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; ông C không cấp dưỡng nuôi con, do bà M không yêu cầu.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Phạm Thị Kim M với ông Nguyễn Thanh C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị Kim M và ông Nguyễn Thanh C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà M trình bày là do ông C không lo làm ăn chăm sóc gia đình vợ con mà lại sử dụng chất cấm, thậm chí ông C còn hăm dọa và buộc bà phải đưa tiền để ông

C tiêu xài cho bản thân nên bà không còn sống chung với ông C từ năm 2024 đến nay.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Ngoài những mâu thuẫn vợ chồng như bà M trình bày, qua xác minh tại địa phương ngày 18/12/2024 thể hiện có mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông C ham chơi, không chăm lo gia đình và thường xuyên vắng mặt nơi cư trú, hiện nay bà M và ông C không còn C sống cùng nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà M là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận. Còn ông C đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến, ông không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình nên cần vận dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xử lý là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 18/11/2012 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 18/7/2014, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, khi quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con, tại bản tự khai của các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, các cháu đã có sự lựa chọn sống với người trực tiếp nuôi dưỡng vì điều kiện đi học dể dàng hơn nên việc giao con chung theo nguyện vọng của bà M là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà M không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định giữa bà và ông C không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Bà M phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ - ST theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Các đề nghị của đại diện viện kiểm sát về nội dung vụ án tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* của bà Phạm Thị Kim M đối với ông Nguyễn Thanh C. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Kim M được ly hôn ông Nguyễn Thanh C.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của của bà Phạm Thị Kim M được ly hôn ông Nguyễn Thanh C nên giấy chứng nhận kết hôn số 139/2012, quyển số 01/2012 do UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/6/2012 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 18/11/2012 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 18/7/2014 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; ông C không cấp dưỡng nuôi con - do bà M không yêu cầu.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con C theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định giữa bà và ông C không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST 300.000 đồng bà Phạm Thị Kim M phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003152 ngày 29/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận *(hoặc niêm yết)* bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi

hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Đông Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**